

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH B DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/HS-ST
Ngày 28-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH B DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đăng Thành – Phó Chủ tịch Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam thị xã M.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh B Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh B Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh B Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 2000, tại tỉnh An Giang; HKTT: Ấp V B, xã V Tr, huyện A P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1983 và mẹ: Không rõ; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/4/2019 và chuyển sang tạm giam đến nay; có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh năm 2002, tại tỉnh Hậu Giang; HKTT: Ấp P, xã P T, huyện C T, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không, trình độ học vấn: 7/12, con ông Phạm Văn Th, sinh năm 1966 và bà Lê Thị C, sinh năm 1968; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn T: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1966 (cha ruột của bị cáo) và bà Lê Thị C, sinh năm 1968 (mẹ ruột của bị cáo); cùng địa chỉ: Số 327B, ấp P, xã P T, huyện C T, tỉnh Hậu Giang. Ông Phạm Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị C có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Ông Nguyễn Tiến D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh B Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp P, xã P T, huyện C T, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và Phạm Văn T có mối quan hệ là bạn bè với nhau. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12/4/2019, H và T cùng uống bia tại khu đất trống thuộc phường H L, thị xã B C, tỉnh B Dương. Sau khi uống bia xong, H rủ T đi mua ma túy về để sử dụng và cả hai thống nhất mỗi người góp 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) để mua 200.000 đồng ma túy sử dụng. Do T không có tiền nên đề nghị H cho mượn 100.000 đồng và nói khi nào có sẽ trả lại. Sau khi thống nhất, T điều khiển xe mô tô biển số 95H1-422.37 chở H đến khu vực phường T G, thị xã Thuận An, tỉnh B Dương để mua ma túy. Đến nơi, T đứng ngoài đợi, còn H đi bộ vào một dãy phòng trọ (không rõ địa chỉ) tìm gặp đôi tượng có tên thường gọi là Y (không rõ lai lịch) để mua 200.000 đồng ma túy đá. Khi nhận bọc ny lon hàn kín chứa ma túy từ Y, H cất giấu vào bên trong ốp lưng điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu hồng trắng và cất điện thoại vào túi quần bên phải, phía trước rồi về vị trí T đang đứng chờ. T điều khiển xe mô tô biển số 95H1-422.37 chở H về phường H L, thị xã B C. Trên đường đi, H bảo T tìm khu đất trống để sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/4/2019, khi H và T đi đến địa bàn xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã M thì bị lực lượng Công an xã Tân Vĩnh Hiệp tuần tra phát hiện H đang cất giấu có 01 bọc nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng. H khai nhận là đây là ma túy đá của H và T vừa mua với giá 200.000 đồng để sử dụng. Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và xử lý theo quy định. Vật chứng Công an tạm giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 95H1-422.37; 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J5 màu hồng trắng; 01 ốp lưng điện thoại màu nâu; 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn H; 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Văn T.

Tại Bản Kết luận giám định số 310/MT-PC09 ngày 17/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B Dương kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1092 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định Phạm Văn T, sinh ngày 02/6/2002, đăng ký khai sinh trễ hạn. Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0350/ĐT/2019 ngày 19/4/2019 kết luận: Độ tuổi của Phạm Văn T là 17 tuổi (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 17/4/2019. Do đó, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Phạm Văn T trên 16 tuổi và dưới 18 tuổi.

Đối với đôi tượng tên Y đã bán ma túy cho bị cáo H, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M sẽ tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 95H1-422.37 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn V, ông V cho Phạm Văn T mượn sử dụng và không biết T dùng xe để mua ma túy. Cơ quan Điều tra đã trả lại xe cho ông V.

Cáo trạng số 170/CT-VKS.TU ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo

điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và bị cáo và Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và Chương XII Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo T tại thời điểm phạm tội trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, có ông ngoại là người có công với cách mạng và hoàn cảnh gia đình khó khăn được địa phương xác nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Đối với bị cáo Phạm Văn T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249 và Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy khối lượng ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J5 màu hồng trắng được bị cáo H sử dụng để cất giấu ma túy; tịch thu tiêu hủy 01 ốp lưng điện thoại màu nâu được bị cáo H sử dụng để cất giấu ma túy; hoàn trả giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân cho các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T: Đồng ý với ý kiến của Kiểm sát viên về xác định tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo T, Kiểm sát viên đề nghị từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù là nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo T chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; vai trò đồng phạm của bị cáo T là thứ yếu, thực hiện hành vi phạm tội do bị cáo H rủ rê và cho mượn tiền. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt đối với bị cáo T dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi, tạo điều kiện cho bị cáo T sớm hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, trong lời nói sau cùng các bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối với đối tượng tên Y đã bán ma túy cho các bị cáo, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[2] Thủ tục tố tụng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn V vắng mặt nhưng có lời khai trong quá trình điều tra; người đại diện theo pháp luật của bị cáo T là ông Phạm Văn Thái và người làm chứng là ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt ông Thái, ông V và ông B.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,1092 gam với mục đích sử dụng. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý Nhà nước đối với chất ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ý thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, để giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, cần có mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất và phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo. Bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo T khi được rủ rê đã đồng ý và cùng với bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội, dùng xe mô tô mượn của ông Phạm Văn V để chở bị cáo H đi mua ma túy. Vì vậy, hình phạt đối với bị cáo H sẽ cao hơn bị cáo T. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T trên 16 nhưng dưới 18 tuổi nên căn cứ Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự mức hình phạt đối với bị cáo T bằng $\frac{3}{4}$ mức hình phạt mà điều luật quy định.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị

cáo Phạm Văn T có hoàn cảnh gia đình khó khăn được địa phương xác nhận và có ông ngoại tên Lê Văn L là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 95H1-422.37 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn V, ông V không biết bị cáo T sử dụng xe để mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông V là phù hợp. Đối với số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm lưu thông nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với 01 ốp lưng điện thoại màu nâu được bị cáo H sử dụng để cất giấu ma túy, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J5 màu hồng trắng được bị cáo H sử dụng để cất giấu ma túy nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với các giấy chứng minh nhân dân của bị cáo H và bị cáo T là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến tội phạm nên hoàn trả cho các bị cáo.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với các bị cáo, biện pháp xử lý vật chứng và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H là phù hợp. Đối với bị cáo Phạm Văn T là người dưới 18 tuổi, vai trò đồng phạm thứ yếu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù là nặng nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt thấp H mức đề nghị của Kiểm sát viên. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T là có cơ sở.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2019.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với:

+ 01 (một) bì thư đã được niêm phong chứa 0,0438 gam ma túy loại Methamphetamine là mẫu vật hoàn lại sau giám định theo Kết luận giám định số: 310/MT-PC09 ngày 17/4/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh B Dương;

+ 01 (một) ốp lưng điện thoại màu nâu.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại SamSung Galaxy J5 màu hồng trắng, số IMEL: 355079/08/581496/5, IMEL: 355080/08/08/581496/3 (không kiểm tra máy móc bên trong).

- Hoàn trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 (một) chứng minh nhân dân số 364214357 mang tên Phạm Văn T. Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) chứng minh nhân dân số 352609945 mang tên Nguyễn Văn H.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M).

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo T, người đại diện hợp pháp của bị cáo T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của bị cáo T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; (2)
- Người bào chữa; (1)
- Người đại diện của bị cáo; (2)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (1)
- VKSND thị xã M; (1)
- VKSND tỉnh B Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh B Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh B Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã M; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã M; (2)
- Chi cục THADS thị xã M; (1)
- Lưu: VT, HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Nga